TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 01 - 2019
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 9A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Ấp Thạnh Bền, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Ch tự tìm hiểu quen biết nhau, đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73 vào ngày 26/7/2011.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, anh Ch không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, bỏ nhà đi không về và không quan tâm đến vợ con. Từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả, đời sống hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình chung sống chị và anh Ch có 01 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 25/01/2012, hiện con đang chung sống với chị Nh.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với chồng là anh Nguyễn Văn Ch. Về con chung: chị Nh xin được nuôi con không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án: Anh Ch xác định lời trình bày của chị Nh về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nhưng về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Anh Ch thừa nhận trước kia anh cũng có tụ tập ăn chơi với bạn bè, nhưng thời gian sau này anh đã sửa đổi và lo tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình nhưng chị Nh không đồng ý về chung sống với anh.

Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Anh Ch không đồng ý ly hôn với chị Nh vì anhcon2 thương vợ con, anh Ch xin được đoàn tụ về chung sống với chị Nh để chăm lo cho con.

Nếu chị Nh cương quyết xin ly hôn, anh Ch yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về con chung: Anh Ch đồng ý giao con tên Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 25/01/2012 cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị Mỹ Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Anh Ch với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Thạnh Bền, xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Nh và anh Ch chung sống với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73 vào ngày 26/7/2011. Do vậy việc kết hôn của chị Nh và anh Ch đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị Nh và anh Ch, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn, để cùng nhau làm ăn chăm lo tương lai cho con của anh, chị sau này mới phải. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, mà dẫn đến chị Nh khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Ch. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay HĐXX động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau, anh Ch không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ về chung sống với chị Nh nhưng chị Nh cương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng anh Ch không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, bỏ nhà đi không về và không quan tâm đến vợ con.

Nên HĐXX xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mẫu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị Nh cương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh Ch nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Nh và anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Nh yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nh và anh Ch xác định anh, chị có một con chung tên Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 25/01/2012. Hiện chị Nh đang chăm sóc và nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh và anh Ch thống nhất thỏa thuận anh Ch đồng ý giao con cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Ch có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nh và anh Ch xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh yêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 01 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 04 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Mỹ Nh và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh ngày 25/01/2012 cho chị Huỳnh Thị Mỹ Nh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Ch có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị Nh phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002766 ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 04/01/2019.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu.